

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án xây dựng: Nâng cấp Hẻm 213 đường Bà Cạn
(đường Bà Tràm) xã Long Phước.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LONG PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Long Phước về việc chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp Hẻm 213 đường Bà Cạn (đường Bà Tràm) xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Báo cáo số 130/BC-PKT ngày 04 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án xây dựng: Nâng cấp Hẻm 213 đường Bà Cạn (đường Bà Tràm) xã Long Phước, thành phố Đồng Nai với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp Hẻm 213 đường Bà Cạn (đường Bà Tràm) xã Long Phước, thành phố Đồng Nai.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Phước.

3. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Long Phước.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

- Nâng cấp mở rộng mặt đường hiện hữu, chiều dài tuyến khoảng 1.060m.

- Mặt cắt ngang:

+ Mặt đường mở rộng 5,0m

+ Mương bê tông 02 bên: 2x0,8m.

+ Bề rộng nền đường 6,6m.

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa nóng.

10.1. Cụ thể thiết kế kết cấu mặt đường:

Đoạn từ Km0+00 đến Km0+692.2 và từ Km0+823.8 đến Km1+046.84.

- Phần trên mặt đường cũ (mặt đường láng nhựa hiện trạng):

+ Bê tông nhựa hạt mịn C12,5, dày 6cm, $K > 0,98$, $E_{yc} > 107,66 \text{Mpa}$.

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0 \text{kg/m}^2$.

+ Đá dăm nước lớp trên dày 12cm, $E_1 > 88,13 \text{Mpa}$.

+ Bù phụ mặt đường đá dăm nước đến cao độ thiết kế.

+ Cày sọc mặt đường láng nhựa hiện trạng.

- Phần ngoài mặt đường cũ (phần mở rộng):

+ Bê tông nhựa hạt mịn C12,5, dày 6cm, $K > 0,98$.

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0 \text{kg/m}^2$.

+ Đá dăm nước lớp trên dày 12cm, $E_1 > 88,13 \text{Mpa}$.

+ Đá dăm nước lớp dưới dày 12cm, $E_1 > 62,85 \text{Mpa}$.

+ Đào đắp nền đường lu lèn $K > 0,95$.

Đoạn từ Km0+692.2 đến Km0+823.8:

- Phần trên mặt đường cũ (mặt đường bê tông nhựa hiện trạng):

+ Bê tông nhựa hạt mịn C12,5, dày 6cm, $K > 0,98$, $E_{yc} > 107,66 \text{Mpa}$.

+ Bù vênh mặt đường bê tông nhựa C12,5 (thảm cùng lúc với lớp BTN dày 6cm).

+ Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5 \text{kg/m}^2$.

- Phần ngoài mặt đường cũ (phần mở rộng):

+ Bê tông nhựa hạt mịn C12,5, dày 6cm, $K > 0,98$.

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0 \text{kg/m}^2$.

+ Đá dăm nước lớp trên dày 12cm, $E_1 > 88,13 \text{Mpa}$.

- + Đá dăm nước lớp dưới dày 12cm, $E_1 > 62,85\text{Mpa}$.
- + Đào đắp nền đường lu lèn $K > 0,95$.

Kết cấu mở rộng, vượt nối nút giao:

- + Bê tông nhựa hạt mịn C12,5, dày 6cm, $K > 0,98$.
- + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m².
- + Đá dăm nước lớp trên dày 12cm, $E_1 > 88,13\text{Mpa}$.
- + Đá dăm nước lớp dưới dày 12cm, $E_1 > 62,85\text{Mpa}$.
- + Đào đắp nền đường lu lèn $K > 0,95$.

10.2. Thoát nước dọc:

- Hệ thống thoát nước: Bố trí mương bê tông 02 bên kích thước $B=0,5\text{m} \times H_{\min}=0,4\text{m}$, đáy nắp đan BTCT; tại các nút giao thiết kế nắp đan chịu lực.

Thiết kế mương bằng bê tông đáy nắp đan bê tông cốt thép dọc 2 bên tuyến.

- Hướng thoát nước:
 - + Đoạn từ đầu tuyến Km0+00 đến Km0+160.00 có hướng thoát nước về đầu tuyến đầu nối vào mương đất thoát nước dọc đường Bàu Cạn.
 - + Đoạn từ Km0+160.00 đến Km0+839.18 có hướng thoát nước về giữa tuyến, đầu nối vào vị trí cống hộp $2 \times (1 \times 1)\text{m}$ ngang đường Km0+623.40.
 - + Đoạn từ Km0+839.18 đến cuối tuyến có hướng thoát nước về cuối tuyến đầu nối vào vị trí cống hộp $2 \times (1 \times 1)\text{m}$ ngang đường Km1+054.80.
- Cấu tạo mương:
 - Kết cấu mương loại 1 (dọc 02 bên tuyến):
 - + Thành mương dày 15cm bê tông đá 1x2 M250. Kích thước mương rộng 50cm, chiều cao min 40cm và thay đổi theo dốc dọc mương có chiều cao trung bình là 46cm, lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 5cm.
 - + Phía trên thành mương có gờ gác đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước (15x22)cm. Nắp đan bê tông cốt thép M250 dày 12cm.
 - + Độ dốc dọc mương bám theo độ dốc dọc tuyến tim đường thiết kế, tối thiểu 0,3%.
 - Kết cấu mương loại 2 (dọc 02 bên tuyến vị trí nút giao):
 - + Thành mương dày 25cm bê tông đá 1x2 M250. Kích thước mương rộng 50cm, chiều cao min 40cm và thay đổi theo dốc dọc mương có chiều cao trung bình là 46cm, lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 5cm.
 - + Phía trên thành mương có gờ gác đan bê tông cốt thép đá 1x2 M250 kích thước (25x30)cm. Nắp đan bê tông cốt thép M250 dày 15cm.
 - + Độ dốc dọc mương bám theo độ dốc dọc tuyến tim đường thiết kế, tối thiểu 0,3%.
- Cửa xả:

+ Tường đầu bê tông cốt thép đá 1x2 M250. Kích thước mặt trên dày 25cm, đáy dày 50cm, rộng 250cm, chiều cao thay đổi theo từng vị trí cửa xả, lớp bê tông lót móng đá 1x2 M150 dày 5cm.

10.3. Thoát nước ngang:

- Trên tuyến có 3 vị trí thoát nước ngang đường hiện trạng:

+ Mương bê tông B=0.7m, nắp đan BTCT vị trí đầu tuyến giáp đường Bàu Cạn

+ 02 cống hộp đôi 2x(1x1)m tại lý trình Km0+623.40 và Km1+054.80.

- Hiện trạng còn tốt không thiết kế mới.

- An toàn giao thông: Thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

(Nội dung chi tiết theo bản vẽ thiết kế đính kèm).

6. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH MTV Kiến Vĩnh Thành.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

a) Địa điểm xây dựng: Ấp Long Phước, xã Long Phước, thành phố Đồng Nai.

b) Diện tích đất sử dụng:

8. Loại, nhóm, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: Cải tạo, nâng cấp.

a) Công trình giao thông, nhóm C, cấp IV.

b) Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: Công trình thiết kế 01 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

TT	Quy chuẩn, Tiêu chuẩn	Mã hiệu
1.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước	QCVN 07-2:2023/BXD
2.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép làm cốt bê tông	QCVN 07:2019/BKHCN
3.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
4.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
5.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN07-01-:-10: 2023/BXD

TT	Quy chuẩn, Tiêu chuẩn	Mã hiệu
6.	Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592-2022
7.	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054-2005
8.	Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
9.	Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu (SN)	TCCS 37:2022/TCĐBVN
10.	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
11.	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
12.	Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài, tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957-2023
13.	Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574-2018
14.	Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
15.	Kết cấu thép - Yêu cầu kỹ thuật chung về chế tạo, lắp ráp và nghiệm thu	TCVN 10307:2014
16.	Quy trình thiết lập tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252-2012
17.	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren	TCVN 13711-1:2023 TCVN 13711-2:2023
18.	Quyết định 932/QĐ-BGTVT ngày 18/8/2022 của Bộ GTVT về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/ xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025”	QĐ-BGTVT

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: **7.803.196.274 đồng** (Bằng chữ: Bảy tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, một trăm chín mươi sáu ngàn, hai trăm bảy mươi bốn đồng).

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------|
| a) Chi phí xây dựng | 6.449.125.103 đồng. |
| b) Chi phí quản lý dự án | 177.061.750 đồng. |
| c) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 596.957.299 đồng. |

- d) Chi phí khác 352.774.561 đồng.
- e) Chi phí dự phòng 227.277.561 đồng.

(Chi tiết đính kèm chi tiết dự toán)

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Tối đa 3 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện dự án (dự kiến 2026-2029).

a) Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã.

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Không quá 03 năm kể từ khi bố trí vốn thực hiện.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có): Không.

15. Các nội dung khác (nếu có): Không.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức các bước tiếp theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Đối với các công việc xây dựng chưa có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng được ban hành, trong dự toán đang được tạm tính để quản lý chi phí, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức xác định các hao phí định mức theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu.

3. Đối với các vật tư, thiết bị không có trong công bố giá của liên Sở Xây dựng - Tài chính, chủ đầu tư phải xác định giá theo đúng quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để xác định giá gói thầu trước khi lựa chọn nhà thầu.

4. Đối với giá trị thuế giá trị gia tăng Chủ đầu tư xem xét thời gian thực hiện công việc để thanh, quyết toán thuế theo quy định hiện hành.

5. Trong quá trình triển khai thi công xây dựng, đề nghị chủ đầu tư phải thực hiện đúng theo nội dung hồ sơ thiết kế được duyệt, chấp hành các quy định của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng giao dịch số 4 - Kho bạc nhà nước khu vực XVII và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Chánh, Phó Chánh Văn Phòng;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Thân